

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH
TỈNH GI**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh p**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH, TỈNH GI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức R.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn N và bà Phạm Thị T.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn S - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh D - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST - HNGĐ, ngày 02/01/2024; về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29a/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 11/7/2024, giữa:

N đơn: Anh R'Chăm B (Rơ Chăm B), sn 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Làng Pôk, xã Ia K, huyện Ch, tỉnh Gi.

Bị đơn: Chị N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Làng Nhiêng, xã Nghĩa H, huyện Ch, tỉnh Gi.

Chỗ ở: Làng Pôk, xã Ia K, huyện Ch, tỉnh Gi.

Người phiên dịch: Bà Rơ Chăm U - cán bộ trường dân tộc nội trú huyện Ch, tỉnh Gi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2023, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, n đơn anh R'Chăm B trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 31/7/2012, tôi và chị N tự nguyện tìm hiểu t yêu nhau, rồi đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H, huyện Ch, tỉnh Gi; chúng tôi chung sống hạnh p được thời gian đầu và có 01 con chung. Nh từ đầu năm 2017 đến nay, vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống luôn bất ổn, cô N ăn chơi đua đòi, không chăm lo đời sống gia đình. Tôi còn nghe thông tin cô N có quan hệ với người đàn ông khác. Mặc dù tôi đã rất cố gắng chịu đựng để có được cuộc sống gia đình ổn định, nh mâu thuẫn cứ tiếp diễn hàng ngày, cứ kéo dài như vậy khiến tôi không thể chịu đựng được, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, phai

nhật dân. Chúng tôi cũng đã trình báo và được Già làng giải quyết ly hôn theo phong tục ở địa phương. Sau đó tôi đã chuyển ra ở riêng, chúng tôi sống ly thân nhiều năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô N theo quy định.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Rơ Châm S, sinh ngày 08/12/2012; ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con. Vì tôi có nhà ở riêng công việc làm rầy, t nhập ổn định bảo đảm điều kiện nuôi con và học hành đầy đủ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi yêu cầu giải quyết theo quy định.

Đối với bị đơn chị N trình bày: Quá trình Thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị N theo đúng quy định của pháp luật, nh chị N không lên làm việc, không có mặt. Vì vậy Tòa án ph đi xác minh và lập các thủ tục không tổng đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo pên hợp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... tại địa chỉ và nơi ở của chị N; Ủy ban nhân dân xã và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, chị N vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Tại pên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi phát biểu quan điểm về tố tụng:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 228, 233; 235; 238 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về pên hợp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của pên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của n đơn để giải quyết ly hôn của anh R'Châm B với chị N.

Về con chung: Giao con chung tên Rơ Châm S, sinh ngày 08/12/2012 cho anh Blà người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến

khi cháu S thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nh bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình; anh B không yêu cầu chị N ph cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

Về tài sản chung nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: anh B ph chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại pên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật; nh bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản, tại pên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên ph hoãn pên tòa; mở pên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

N đơn (anh B) có đơn xin xét xử vắng mặt, trong nội dung đơn anh B yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đúng như nội dung đơn khởi kiện cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: yêu cầu được ly hôn với chị N, anh B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, về án phí anh B tự nguyện chịu theo quy định. Căn cứ theo đoạn 2 khoản 2 điều 227; điểm a khoản 1 và các khoản 2, 3, 4, 5 của điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xem xét đơn xin xét xử vắng mặt đối với yêu cầu của N đơn.

[2] Về hôn nhân: anh B và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghã H, huyện Ch, tỉnh Gi; quan hệ hôn nhân của anh B và chị N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa anh B và chị N luôn xảy ra, lý do là vợ chồng không thể hòa hợp, cuộc sống luôn bất ổn, cô N không chăm lo đời sống gia đình; anh B và chị N đã ly thân nhau lâu rồi; mâu thuẫn vợ chồng đã được già làng hòa giải theo phong tục, nh không đoàn tụ được. Hội đồng xét xử, xét cuộc sống vợ chồng không có ý thức hỗ trợ chia sẻ nhau trong công việc, tình cảm giữa anh B và chị N thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Tòa án triệu tập thì chị N không tham gia, cũng không có ý kiến phản tố b văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn. Nh theo xác minh tại chính quyền địa phương thì lời khai của anh B tại hồ sơ vụ án là hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ việc quan tâm về tình cảm của vợ chồng ph diễn ra thường xuyên và l tục, họ đã ly thân nhau, chứng tỏ họ không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh B xin ly hôn với anh Yuhlà có cơ sở.

[3] Về con chung: anh B và chị N có 01 con chung tên Rơ Châm S, sinh ngày 08/12/2012; anh B nhận nuôi con và nguyện vọng của con muốn ở với anh B nếu bố mẹ ly hôn; anh B đang làm rẫy, t nhập hàng tháng đảm bảo chi phí nuôi con cái,

đồng thời bố mẹ anh B cũng phụ giúp anh về công việc gia đình và kinh tế; xét việc nhận nuôi con chung của anh B là tự nguyện và có cơ sở; nên Hội đồng xét giao con chung cho anh B là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh B không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[5] Về án phí: anh B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 228; 233; 235; 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh R'Châm B (Rơ Châm B).

Về hôn nhân: anh R'Châm B (Rơ Châm B) được ly hôn chị N.

Về con chung; Giao con chung tên Rơ Châm S, sinh ngày 08/12/2012 cho anh B là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu S thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nh bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung; chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Về án phí: anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số: 0008163 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Gi; anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Kể từ ngày tuyên án (29/7/2024) các đương sự (anh B và chị N) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gi xét xử P thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người ph thi hành án dân sự có quyền thoả tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND.H Ch;
- Chi cục THADS.H Ch;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Ia k, Nghĩa h;
- Luu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pên tòa

Bùi Đức R